

TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐÀNG HẢI

DANH SÁCH CHI LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN THEO LƯƠNG THÁNG 10 NĂM 2025

STT	Họ và tên	Chức danh	Hệ số lương										Trừ 10,5 BH		Thực lĩnh	Ghi chú
			LCB	PCVK	PC CV	HSCLB L	PC TN	PCTN ngành		PCUB	Cộng HS	Thành tiền	Hệ số	Thành tiền		
								%	HS							
1	Biên chế	Hiệu trưởng														
1	Trần Thị Minh Huệ		5,70		0,50			32%	1,984	2,170	10,354	24.228.400	0,859	2.010.800	22.217.600	
2	Phạm Thị Thúy Phương	PHT	4,00		0,40			12%	0,528	1,540	6,468	15.135.100	0,517	1.210.800	13.924.300	
3	Hoàng Hải Hà	GV, TP tổ 1	4,00		0,40			15%	0,660	1,540	6,600	15.444.000	0,531	1.243.200	14.200.800	
4	Trần Thị Thu Hằng	KI, IT tổ VP	4,98	0,398	0,20		0,10				5,678	13.287.500	0,586	1.370.600	11.916.900	
5	Lê Thị Chuyên	Giáo viên	5,36					31%	1,662	1,876	8,898	20.820.400	0,737	1.725.200	19.095.200	
6	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Giáo viên	5,36					31%	1,662	1,876	8,898	20.820.400	0,737	1.725.200	19.095.200	
7	Vũ Thị Hương Giang	Giáo viên	5,02					25%	1,255	1,757	8,032	18.794.900	0,659	1.541.800	17.253.100	
8	Hoàng Thị Nữ	GV, TT tổ 2	5,02		0,20			28%	1,462	1,827	8,509	19.910.100	0,702	1.641.700	18.268.400	
9	Nguyễn Minh Nguyệt	GV, TT tổ 4	5,02		0,20			28%	1,462	1,827	8,509	19.910.100	0,702	1.641.700	18.268.400	
10	Tô Thị Bích Liên	GV, TP tổ 1	5,36		0,20			30%	1,668	1,946	9,174	21.467.200	0,759	1.775.900	19.691.300	
11	Nguyễn Thị Thanh Huyền	GV, TP tổ NKTG	4,32		0,15			21%	0,939	1,565	6,973	16.317.300	0,568	1.328.900	14.988.400	
12	Nguyễn Thị Ngọc Thu	Giáo viên	4,68					20%	0,936	1,638	7,254	16.974.400	0,590	1.379.900	15.594.500	
13	Hoàng Thị Tuyết	NVTB	3,34				0,2				3,540	8.283.600	0,351	820.600	7.463.000	
14	Phạm Thị Hào	GV, TP tổ 4	4,68		0,15			27%	1,304	1,691	7,825	18.309.600	0,644	1.507.100	16.802.500	
15	Nguyễn . T Thanh Hằng	Giáo viên	4,34					20%	0,868	1,519	6,727	15.741.200	0,547	1.279.600	14.461.600	
16	Phùng Thị Luyến	Giáo viên	4,00		0,15			13%	0,540	1,453	6,142	14.372.300	0,492	1.152.200	13.220.100	
17	Nguyễn Thị Thúy Chiêu	Giáo viên	4,00		0,15			13%	0,540	1,453	6,142	14.372.300	0,492	1.152.200	13.220.100	
18	Nguyễn Thị Thu Thủy	Giáo viên	4,00					13%	0,520	1,400	5,920	13.852.800	0,475	1.110.600	12.742.200	
19	Phạm Thị Thái Hằng	Giáo viên	4,00					12%	0,480	1,400	5,880	13.759.200	0,470	1.100.700	12.658.500	
20	Phạm Thị Thúy Nga	GV TPT	4,00					12%	0,480	1,400	5,880	13.759.200	0,470	1.100.700	12.658.500	
21	Dư Thị Trang	GV, TP tổ 2	3,66		0,15			13%	0,495	1,334	5,639	13.194.800	0,452	1.057.800	12.137.000	
22	Phạm Thị Thanh Thủy	Giáo viên	4,34					20%	0,868	1,519	6,727	15.741.200	0,547	1.279.600	14.461.600	
23	Lê Thị Hằng	Giáo viên	4,68					27%	1,264	1,638	7,582	17.740.900	0,624	1.460.300	16.280.600	



24	Lê Văn Tú	Giáo viên	4,00					18%	0,720	1,400	6,120	14.320.800	0,496	1.159.700	13.161.100	
25	Nguyễn Thị Ngát	Giáo viên	4,00					13%	0,520	1,400	5,920	13.852.800	0,475	1.110.600	12.742.200	
26	Đỗ Thị Thanh Mai	Giáo viên	4,00					11%	0,440	1,400	5,840	13.665.600	0,466	1.090.900	12.574.700	
27	Lê Thị Mai Quỳnh	Giáo viên	4,00					11%	0,440	1,400	5,840	13.665.600	0,466	1.090.900	12.574.700	
28	Trần Hoài Giang	GV, TP tổ5	4,00	0,20				10%	0,420	1,470	6,090	14.250.600	0,485	1.135.100	13.115.500	
29	Bùi Thị Tuyết	Giáo viên	3,33					11%	0,366	1,166	4,862	11.376.600	0,388	908.200	10.468.400	
30	Phạm Thị Thanh Hương	GV, TP tổ3	3,66	0,20				13%	0,502	1,351	5,713	13.368.000	0,458	1.071.700	12.296.300	
31	Trần Thị Ngọc Hương	Giáo viên	3,33					17%	0,566	1,166	5,062	11.844.100	0,409	957.300	10.886.800	
32	Nguyễn Thị Thu	Giáo viên	3,33					10%	0,333	1,166	4,829	11.298.700	0,385	900.000	10.398.700	
33	Ngô Thị Thủy Hằng	VT-TQ	2,86				0,1				2,960	6.926.400	0,300	702.700	6.223.700	
34	Phạm Thị Huyền Trang	Giáo viên	3,33					10%	0,333	1,166	4,829	11.298.700	0,385	900.000	10.398.700	
35	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Giáo viên	3,00					9%	0,270	1,050	4,320	10.108.800	0,343	803.400	9.305.400	
36	Vũ Thị Hương	Giáo viên	3,00					10%	0,300	1,050	4,350	10.179.000	0,347	810.800	9.368.200	
37	Nguyễn Thị Minh Thủy	Giáo viên	3,00					7%	0,210	1,050	4,260	9.968.400	0,337	788.700	9.179.700	
38	Trần Thị Thủy	Giáo viên	3,00			0,03		10%	0,300	1,050	4,380	10.249.200	0,350	818.200	9.431.000	
39	Dương Thị Hiệu	Giáo viên	2,67					13%	0,347	0,935	3,952	9.246.700	0,317	741.300	8.505.400	
40	Lê Thị Hoàn	Giáo viên	2,67			0,05		20%	0,534	0,935	4,189	9.801.100	0,342	799.500	9.001.600	
41	Trịnh Thị Thu Trang	Giáo viên	3,00	0,15				7%	0,221	1,103	4,473	10.466.800	0,354	828.100	9.638.700	
42	Phạm Thị Bích Ngọc	Giáo viên						7%	0,000	0,000	0,000	0	0,000	0	0	
43	Nguyễn Thị Hải	Giáo viên	2,67					6%	0,160	0,935	3,765	8.809.400	0,297	695.400	8.114.000	
44	Trịnh Thị Hà	Giáo viên	2,67					6%	0,160	0,935	3,765	8.809.400	0,297	695.400	8.114.000	
45	Đặng Thị Cẩm	Giáo viên	3,33					12%	0,400	1,166	4,895	11.454.500	0,392	916.400	10.538.100	
46	Lương Minh Chi	Giáo viên	2,67					5%	0,134	0,935	3,738	8.746.900	0,294	688.800	8.058.100	
47	Lê Thị Vân	Giáo viên	2,34			0,07		5%	0,117	0,819	3,346	7.829.600	0,265	620.900	7.208.700	
48	Trần Thị Hiếu	Giáo viên	2,34			0,07		5%	0,117	0,819	3,346	7.829.600	0,265	620.900	7.208.700	
49	Nguyễn Mai Thương	Giáo viên	2,67	0,20				9%	0,258	1,005	4,133	9.670.800	0,328	768.600	8.902.200	
50	Tạ Diệu Anh	Giáo viên	2,34			0,07				0,819	3,229	7.555.900	0,253	592.100	6.963.800	
51	Vũ Kiều Trang	Giáo viên	2,34			0,07				0,819	3,229	7.555.900	0,253	592.100	6.963.800	
52	Đỗ Thị Thu Hà	Giáo viên	2,67							0,935	3,605	8.434.500	0,280	656.000	7.778.500	
53	Hoàng Thị Thanh Xuân	Giáo viên	2,67							0,935	3,605	8.434.500	0,280	656.000	7.778.500	

54	Nguyễn Quỳnh Anh	Giáo viên	2,67																				
55	Nguyễn Thị Nhân	Giáo viên	5,02					26%	1,305	1,757	8,082	18.912.300	0,664	1.554.100	17.358.200								
56	Đông Thị Hương	Giáo viên	3,66					13%	0,476	1,281	5,417	12.675.300	0,434	1.016.200	11.659.100								
57	Phạm Thị Diệp	Giáo viên	3,00					9%	0,270	1,050	4,320	10.108.800	0,343	803.400	9.305.400								
58	Trần Tô Mai Phương	Giáo viên	2,67							0,935	3,605	8.434.500	0,280	656.000	7.778.500								
59	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Giáo viên								0,000	0,000	0	0,000	0	0								
60	Trần Khánh Linh	Giáo viên	2,34							0,819	3,159	7.392.100	0,246	574.900	6.817.200								
61	Đỗ Minh Ngọc	Giáo viên	2,34							0,819	3,159	7.392.100	0,246	574.900	6.817.200								
62	Đinh Thị Mỹ Phương	Giáo viên	2,34							0,819	3,159	7.392.100	0,246	574.900	6.817.200								
63	Lê Thùy Trang	Giáo viên	2,34							0,819	3,159	7.392.100	0,246	574.900	6.817.200								
64	Đào Thị Linh Đan	Giáo viên	2,34							0,819	3,159	7.392.100	0,246	574.900	6.817.200								
65	Phạm Huyền Linh	Giáo viên	2,34							0,819	3,159	7.392.100	0,246	574.900	6.817.200								
66	Lê Thị Minh Tâm	Giáo viên	2,34			0,33		10%	0,234	0,819	3,723	8.711.800	0,305	713.500	7.998.300								
67	Trương Thị Chinh	Giáo viên	3,00							1,050	4,050	9.477.000	0,315	737.100	8.739.900								
68	Nguyễn Thị Minh Thảo	Giáo viên	2,34							0,819	3,159	7.392.100	0,246	574.900	6.817.200								
69	Nguyễn Thị Thu Huyền	Giáo viên	2,34			0,30				0,819	3,459	8.094.100	0,246	574.900	7.519.200								
	Cộng biên chế		233,830	0,398	3,600	0,690	0,70		32,027	79,118	350,363	819.848.800	28,407	66.472.300	753.376.500								
II	Đổi với hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ theo ND 111/2022/NĐ-CP		43.200.000	0	0	0	0	0	0	9.600.000	0	52.800.000	0	4.536.000	48.264.000								
1	Bùi Xuân Thuận	Giáo viên	5.400.000							1.200.000		6.600.000		567.000	6.033.000								
2	Hoàng Thị Thu Hằng	Giáo viên	5.400.000							1.200.000		6.600.000		567.000	6.033.000								
3	Hứa Linh Chi	Giáo viên	5.400.000							1.200.000		6.600.000		567.000	6.033.000								
4	Nguyễn Thị Vân Anh	Giáo viên	5.400.000							1.200.000		6.600.000		567.000	6.033.000								
5	Nguyễn Quỳnh Châm	Giáo viên	5.400.000							1.200.000		6.600.000		567.000	6.033.000								
6	Trần Thị Ánh Nguyệt	Giáo viên	5.400.000							1.200.000		6.600.000		567.000	6.033.000								
7	Lê Bùi Thanh Thúy	Giáo viên	5.400.000							1.200.000		6.600.000		567.000	6.033.000								
8	Đỗ Thị Thu Hương	Giáo viên	5.400.000							1.200.000		6.600.000		567.000	6.033.000								

PHÒNG

